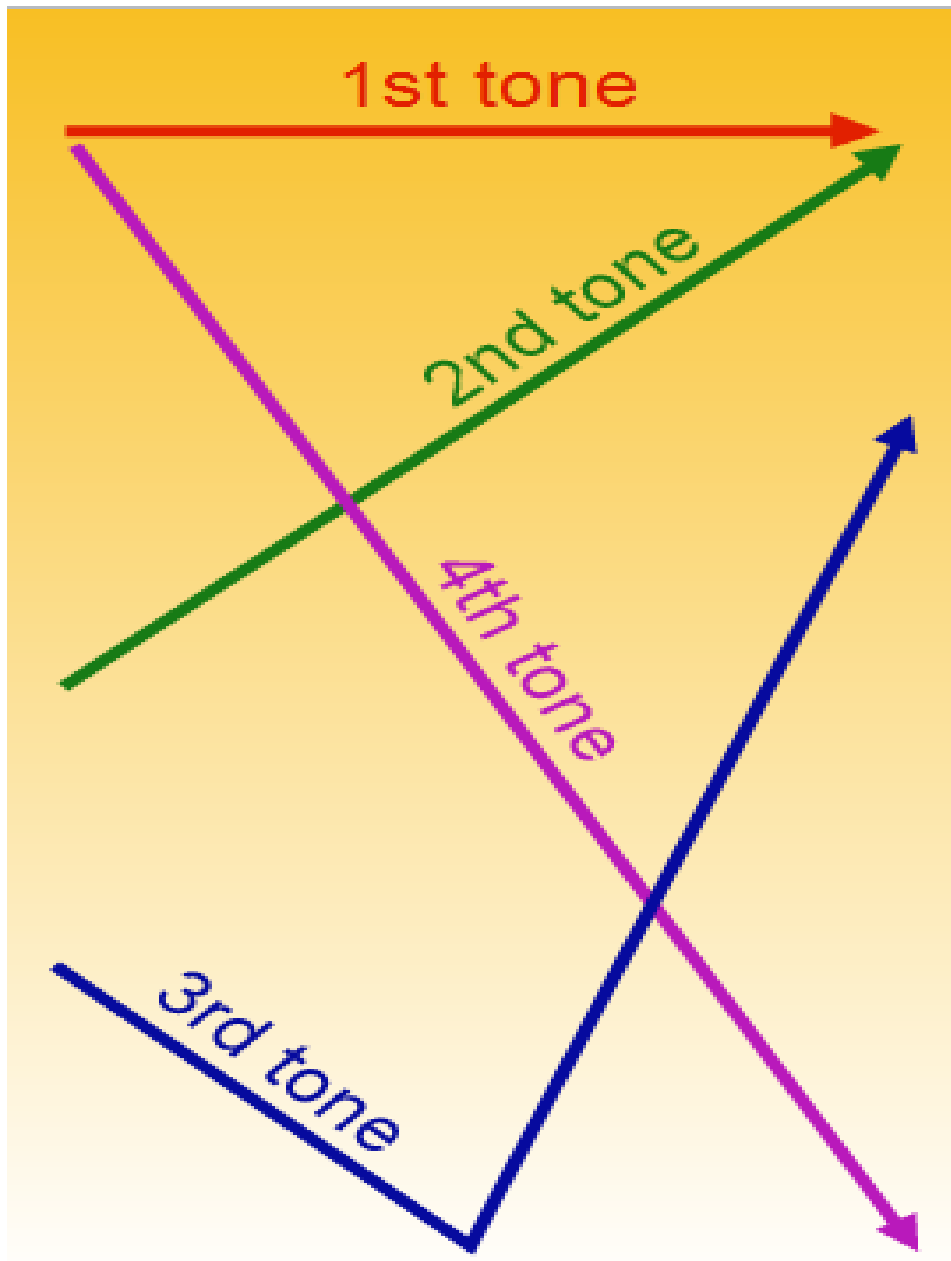


Learning Objective

Plan and invite your friends to participate in activities
on
weekdays or weekends

(continued)



1st tone

2nd tone

4th tone

3rd tone

- 顾老师和梁老师对话
- 顾老师和学生对话
- 学生和学生对话



- 顾：梁老师，你星期六想做什么？
- 梁：我星期六想打棒球。
- 顾：你星期天想做什么？
- 梁：我星期天想睡觉。

zhōu mò

周末



xīng qī tiān

星期天

xīng qī yī, èr, sān, sì wǔ

星期一, 二, 三, 四, 五

zhōu mò

周末



xīng qī liù

星期六

zhōu mò
周末



xīng qī tiān
星期天

xīng qī yī, èr, sān, sì wǔ
星期一, 二, 三, 四, 五

zhōu mò
周末



xīng qī liù
星期六

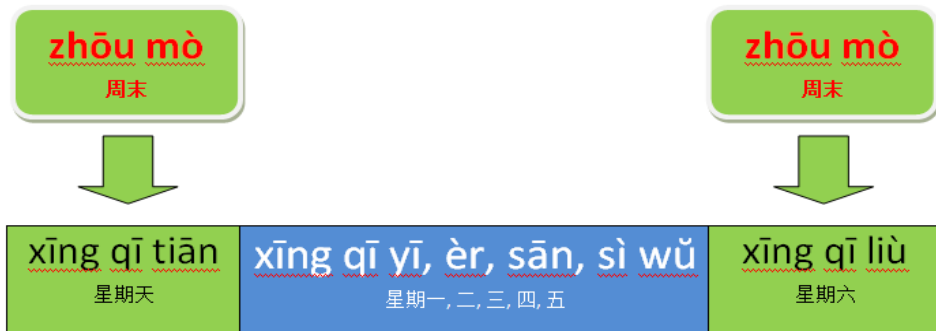


A: Nǐ zhōumò
你 周末

xiǎng zuòshénme?
想 做什么?

B: Wǒ zhōumò
我 周末

xiǎng _____.想 _____.



_____(名字)____ zhōumò xiǎng _____.



xiǎng
想



qù
去



zuòshénme?
做什么?



xiǎng
想



qù
去



dǎ měi shì zú qiú
打美式足球



xiǎng
想



qù
去



dǎ bàng qiú

打棒球



xiǎng
想



qù
去



dǎ lán qiú
打篮球



xiǎng
想



qù
去



dǎ pīng pāng qiú
打乒乓球



xiǎng
想



qù
去



shuì jiào
睡觉



xiǎng
想



qù
去



guàng jiē
逛街



xiǎng
想



qù
去



shàng wǎng
上网



xiǎng
想



qù
去



zuòshénme?
做什么?

zhōu mò
周末



xīng qī tiān
星期天

xīng qī yī, èr, sān, sì wǔ
星期一, 二, 三, 四, 五

xīng qī liù
星期六

zhōu mò
周末



zhōumò

周末

xiǎng

想

qù

去

zuò shénme

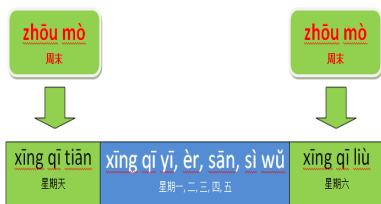
做 什么

- 顾老师和梁老师对话
- 顾老师和学生对话
- 学生和学生对话





Nǐ



?

A: Nǐ **zhōumò** xiǎng qù zuò shénme?
 你 周末 想 去 做 什么?

B: Wǒ **zhōumò** xiǎng qù _____ 。
 我 周末 想 去



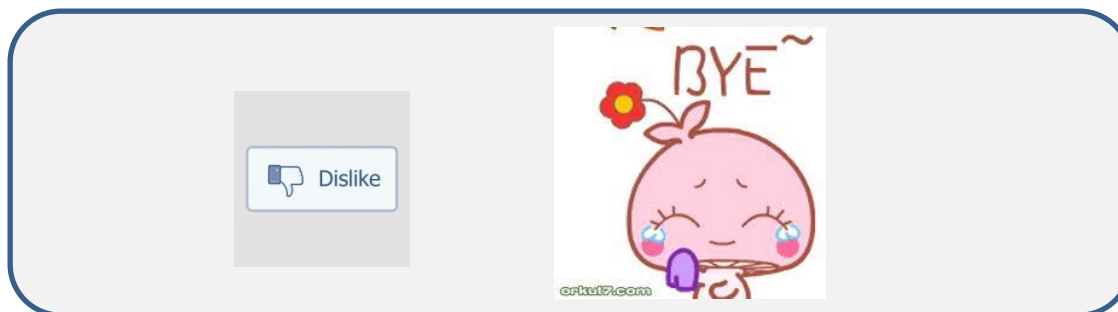
<u>Liánɡlǎoshī</u> 梁老师	<u>zhōumò</u> 周末	<u>xiǎngqù</u> 想去	<u>dǎlánqiú.</u> 打篮球。
(名字 1)	<u>zhōumò</u> 周末	<u>xiǎngqù</u> 想去	
(名字 2)	<u>zhōumò</u> 周末	<u>xiǎngqù</u> 想去	
(名字 3)	<u>zhōumò</u> 周末	<u>xiǎngqù</u> 想去	

(student-centered) (communicative tasks) (15-20 minutes)

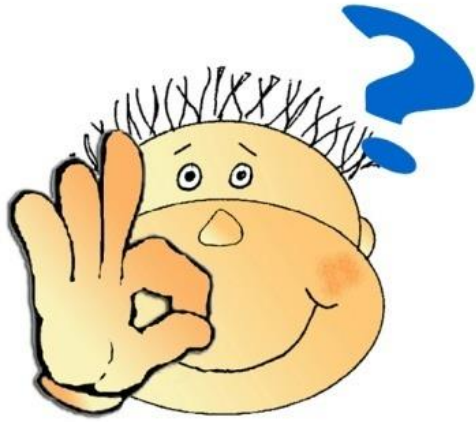
Plan and invite your friends to participate in activities on weekdays or weekends. (interpersonal)

- ✓ Use the following three possibilities to conduct your invitation.
- ✓ Students should ask and answer according to own hobbies.
- ✓ Inviters can choose any day in a week.
- ✓ Students have to find at least one person to participate in the same activity on the chosen day.

Possibility 1

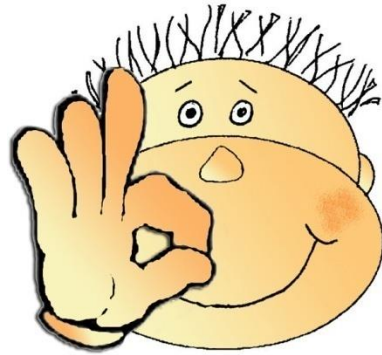


A	<p><u>(name)</u>, <u>wǒ xǐhuān</u> <u>(activity 1)</u>, <u>nǐ yě xǐhuān</u> <u>(activity 1)</u> ma?</p> <p><u>(name)</u> 我 喜欢 <u>(activity 1)</u>, 你 也喜欢 <u>(activity 1)</u> 吗?</p>
B	<p><u>Wǒ</u> <u>bùxǐhuān</u> <u>(activity 1)</u>。</p> <p>我 不喜欢 <u>(activity 1)</u>。</p>
A	<p><u>Zàijiàn</u>.</p> <p>再见。</p>
B	<p><u>Zàijiàn</u>.</p> <p>再见。</p>



Hǎoma?

好吗？



Hǎo.

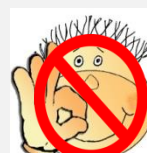
好。



Bùhǎo.

不好。

Possibility 2



A	<p><u>Wǒ xǐhuān</u> (activity 1), <u>nǐ yě xǐhuān</u> (activity 1) ma?</p> <p>我 喜欢 (activity 1), 你也 喜欢 (activity 1) 吗?</p>
B	<p><u>Wǒ yě xǐhuān</u> (activity 1)。</p> <p>我 也 喜欢 (activity 1)。</p>
A	<p><u>Wǒ</u> (day in a week) <u>xiǎng qù</u> (activity 1). <u>Nǐ hé wǒ qù, hǎoma?</u></p> <p>我 (day in a week) 想 去 (activity 1), 你 和 我 去, 好吗?</p>
B	<p><u>Bùhǎo.</u> <u>Wǒ</u> (day in a week) <u>bù xiǎng qù</u> (activity 1).</p> <p>不好。 我 (day in a week) 不 想 去 (activity 1)。</p>
A	<p><u>Zàijiàn.</u> 再见。</p>
B	<p><u>Zàijiàn.</u> 再见。</p>

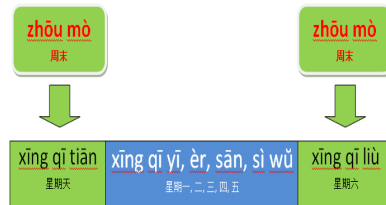
Possibility 3



A	<p>(name), <u>wǒ xǐhuān</u> (activity 1), <u>nǐ yě xǐhuān</u> (activity 1) ma? (name) 我 喜欢 (activity 1), 你 也 喜欢 (activity 1) 吗?</p>
B	<p><u>Wǒ yě xǐhuān</u> (activity 1)。 我 也 喜欢 (activity 1)。</p>
A	<p><u>Wǒ</u> (day in a week) <u>xiǎng qù</u> (activity 1). <u>Nǐ hé wǒ qù, hǎoma?</u> 我 (day in a week) 想 去 (activity 1), 你 和 我 去, 好吗?</p>
B	<p><u>Hǎo.</u> (day in a week) <u>jiàn.</u> 好。 (day in a week) 见。</p>
A	<p><u>(day in a week) jiàn.</u> (day in a week) 见。</p>



hé wǒ
和 我



For example:

Kāngjiāměi、Luójiéyǔ hé wǒ
康佳美、 罗杰宇 和我

xīngqītiān
星期天

qù
去

tiàowǔ。
跳舞。

Your own situation:

_____、 _____ hé wǒ _____ qù _____。
_____、 _____ 和我 _____ 去 _____。